

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 08 38.290.198 Fax: 08 38.225.722

Website: [www.saigonrailway.com.vn](http://www.saigonrailway.com.vn)

**I U L**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM SÀI GÒN**

**[D T H O]**



**Thành phố Hồ Chí Minh, 10/2015**

**I U L**  
**T CH C VÀ HO T NG C A**  
**CÔNG TY C PH N V N T I NG S T SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Công ty Cổ phần Việt Nam Sài Gòn được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH MTV Việt Nam Sài Gòn theo Quy định số .../Q-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải và việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Công ty TNHH MTV Việt Nam Sài Gòn thành Công ty cổ phần;

- Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Việt Nam Sài Gòn (sau đây gọi là “**Công ty**”). Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết thành phố và hiệu lực công bố của Công ty Cổ phần Việt Nam Sài Gòn, được chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2015.

# M C L C

<b>CH NG I. QUY NH CHUNG</b>	<b>5</b>
I U 1. GI I THÍCH THU T NG	5
I U 2. TÊN, A CH ,TR S CHÍNH	6
I U 3. HÌNH TH C PHÁP LÝ, T CÁCH PHÁP NHÂN VÀ TH IH NHO T NG C A CÔNG TY	7
I U 4. M C TIÊU HO T NG, L NH V C KINH DOANH	8
I U 5. PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG	10
I U 6. T CH C NG C NG S NVI T NAM VÀ CÁC T CH C CHÍNH TR - XÃ H I TRONG CÔNG TY	10
<b>CH NG II. V N I UL ,C PH N</b>	<b>10</b>
I U 7. V N I UL ,C PH N	10
I U 8. CH NG NH NC PHI U	12
I U 9. CH NG CH CH NG KHOÁN KHÁC	12
I U 10. CHUY N NH NG C PH N, TH AK C PH N	12
I U 11. THU H IC PH N	13
I U 12. MUAL IC PH N, TRÁI PHI U, I U KI N THANH TOÁN VÀ X LÝ CÁC C PH N CMUAL I	14
I U 13. TR C T C	15
I U 14. THU H ITI N THANH TOÁN C PH N MUAL I HO CC T C	16
<b>CH NG III C C UT CH C, QU NTR VÀ KI M SOÁT</b>	<b>16</b>
I U 15. C C UT CH C, QU NTR VÀ KI M SOÁT	16
<b>M CI. C ÔNG VÀ IH I NG C ÔNG</b>	<b>17</b>
I U 16. QUY NC AC ÔNG	17
I U 17. NGH AV C AC ÔNG	18
I U 18. IH I NG C ÔNG	19
I U 19. QUY N VÀ NHI M V C A IH I NG C ÔNG	21
I U 20. CÁC IDI N C Y QUY N	22
I U 21. THAY ICÁC QUY N	23
I U 22. TRI UT P IH I NG C ÔNG, CH NG TRÌNH H P VÀ THÔNG BÁO H P IH I NG C ÔNG	24
I U 23. CÁC I U KI N TI NHÀNH H P IH I NG C ÔNG	25
I U 24. TH TH CTI NHÀNH H P VÀ BI U QUY TT I IH I NG C ÔNG	26
I U 25. THÔNG QU ANGH QUY TC A IH I NG C ÔNG	27
I U 26. TH M QUY N VÀ TH TH CL Y Ý KI NC ÔNG B NG V NB N THÔNG QU ANGH QUY TC A IH I NG C ÔNG	28
I U 27. BIÊN B NH P IH I NG C ÔNG	30
I U 28. YÊU C UH YB NGH QUY TC A IH I NG C ÔNG	31
I U 29. HI UL C CÁC NGH QUY TC A IH I NG C ÔNG	31

<b>M C II.</b>	<b>H I NG QU NTR</b>	<b>32</b>
I U 30.	THÀNH PH N VÀ NHI M K C A THÀNH VIÊN H I NG QU NTR	32
I U 31.	TIÊU CHU N VÀ I U KI N LÀM THÀNH VIÊN H I NG QU NTR	33
I U 32.	QUY NH N VÀ NHI M V C AH I NG QU NTR	34
I U 33.	CH T CH H I NG QU NTR	36
I U 34.	CU CH P C AH I NG QU NTR	36
I U 35.	BIÊN B NH PH I NG QU NTR	38
<b>M C III.</b>	<b>T NG GIÁM C, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ</b>	<b>39</b>
I U 36.	T CH C B MÁY QU N LÝ	39
I U 37.	CÁN B QU N LÝ	39
I U 38.	T NG GIÁM C CÔNG TY	39
I U 39.	PHÓ T NG GIÁM C VÀ K TOÁN TR NG	41
I U 40.	TH KÝ CÔNG TY	41
I U 41.	B MÁY GIÚP VI C	42
I U 42.	THÙ LAO, TI NL NG VÀ L ÍCH KHÁC C A THÀNH VIÊN H I NG QU NTR , T NG GIÁM C, PHÓ T NG GIÁM C VÀ K TOÁN TR NG	42
<b>M C IV.</b>	<b>TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU NTR , T NG GIÁM C, PHÓ T NG GIÁM C, K TOÁN TR NG CÔNG TY, THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC</b>	<b>43</b>
I U 43.	TRÁCH NHI M C NTR NG	43
I U 44.	TRÁCH NHI M TRUNG TH C VÀ TRÁNH CÁC XUNG TV QUY NL I	43
I U 45.	TRÁCH NHI M V THI TH I VÀ B I TH NG	44
I U 46.	QUY NKH I KI N I V I THÀNH VIÊN H I NG QU NTR , T NG GIÁM C CÔNG TY	45
<b>M C V.</b>	<b>BAN KI M SOÁT</b>	<b>46</b>
I U 47.	THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT	46
I U 48.	TIÊU CHU N, I U KI N C A KI M SOÁT VIÊN VÀ MI N NHI M, BÃI NHI M KI M SOÁT VIÊN	46
I U 49.	QUY N VÀ NGH A V C A BAN KI M SOÁT	47
I U 50.	TI NL NG VÀ QUY NL I KHÁC C A KI M SOÁT VIÊN	49
I U 51.	TRÁCH NHI M C A KI M SOÁT VIÊN	49
<b>CH NG IV.</b>	<b>CON D U CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ L U GI H S CÔNG TY</b>	<b>50</b>
I U 52.	CON D U C A CÔNG TY	50
I U 53.	CH L U GI TÀI LI U C A CÔNG TY	50
I U 54.	CÔNG KHAI THÔNG TIN CÔNG TY	51
<b>CH NG V.</b>	<b>NG ILAO NG VÀ T CH C CÔNG OÀN</b>	<b>53</b>
I U 55.	QUAN H LAO NG TRONG CÔNG TY	53
I U 56.	CÔNG OÀN CÔNG TY	54
<b>CH NG VI.</b>	<b>PHÂN PH IL INHU N, X LÝ L</b>	<b>56</b>
I U 57.	PHÂN PH IL INHU N, X LÝ L	56

<b>CHƯƠNG VII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH, H TH NG K TOÁN, BÁO CÁO TÀI</b>	
<b>CHÍNH VÀ KỈ M TOÁN</b>	<b>56</b>
I U 58. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	56
I U 59. N M TÀI CHÍNH	56
I U 60. CH K TOÁN	57
I U 61. BÁO CÁO TÀI CHÍNH N M, SÁU THÁNG VÀ QUÝ, BÁO CÁO TH NG NIÊN	57
I U 62. KỈ M TOÁN	58
<b>CHƯƠNG VIII. T CH CL I, GI I TH VÀ PHÁ S N CÔNG TY</b>	<b>58</b>
I U 63. T CH CL I CÔNG TY	58
I U 64. CH M D THO T NG CÔNG TY	58
I U 65. THANH LÝ CÔNG TY	59
<b>CHƯƠNG IX. GI I QUY T TRANH CH P N IB VÀ S A IB SUNG I UL CÔNG TY</b>	<b>59</b>
I U 66. GI I QUY T TRANH CH P N IB	59
I U 67. B SUNG VÀ S A I I UL CÔNG TY	60
<b>CHƯƠNG X. I U KHO N THI HÀNH</b>	<b>60</b>
I U 68. PH M VI THI HÀNH	60
I U 69. NGÀY HI UL C	60

## CH ƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong điều này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

b) "*Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong tập đoàn công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn, có chuyên ngành công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Công ty*" là Công ty cổ phần Việt Nam Công nghiệp Sài Gòn;

e) "*Điều lệ*" là nội quy và nội quy của Công ty;

f) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị danh giá cổ phần đã bán ra hoặc đã ký mua tại thời điểm ký thành lập doanh nghiệp và ghi trong Điều lệ Công ty và quy định **Điều 7** điều này;

g) "*Ngày thành lập Công ty*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần;

h) "*Ngân định lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty cổ phần Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn;

i) "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

k) "*Thời gian hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty quy định tại **Khoản 5 Điều 3** điều này;

l) "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau và gọi là cổ phần;

m) "*Cổ phần phổ thông*" là mệnh giá vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần** và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của điều này;

n) "*Cổ phần ưu đãi*" là các loại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o) "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trích cho các phần chủ sở hữu tài sản khác nhau như còn lại của Công ty sau khi đã thanh toán nghĩa vụ tài chính;

p) "*Công nhân*" là cá nhân, tổ chức sử dụng ít nhất một phần đã phát hành của Công ty.

q) "*Công nhân sáng lập*" là công nhân sử dụng ít nhất một phần phổ thông và ký tên trong danh sách công nhân sáng lập công ty cổ phần. Công ty không có công nhân sáng lập.

r) “C *phi u*” là ch *ng ch* do Công ty phát hành ho *c bút toán ghi s* ho *c d* li *u i* n t *xác nh* n quy *n s* h *u m* t hay m t s *c* ph *n c* a Công ty.

s) “*T ch c l i* doanh nghi *p*” là vi *c* chia, tách, h *p* nh t, sáp nh *p* ho *c* chuy *n* i lo *i* hình doanh nghi *p*.

t) “*Ng i i* di *n theo pháp lu t c* a Công ty” (Sau *ây g i* t t là “*Ng i i* di *n*”) là cá nhân *i* di *n* cho Công ty th *c* hi *n* các quy *n* và ngh *a* v *phát sinh t* giao d *ch c* a doanh nghi *p*, *i* di *n* cho doanh nghi *p* v *i* t *cách nguyên* n, b *n*, ng *i* có quy *n* l *i*, ngh *a* v *liên quan tr* c Tr *ng tài*, Tòa án và các quy *n* và ngh *a* v *khác* theo quy *nh c* a pháp lu *t*.

2. Trong *i* u l *này*, các tham chi *u* t *i* m t ho *c* m t s *quy* nh ho *c* v *n* b *n* khác bao g *m* c nh *ng s* a *i* ho *c* v *n* b *n* thay th *.*

3. Các tiêu *(Ch* ng, *i* u c a *i* u l *này*) *c* s *d* ng nh *m* thu *n* ti *n* cho vi *c* hi *u* n *i* dung và không nh *h* ng t *i* n *i* dung c a *i* u l *này*.

4. Các t *ho c* thu t ng *ã* *c* g *i* i ngh *a* trong Lu *t* Doanh nghi *p* ho *c* Lu *t* Ch *ng* khoán và các v *n* b *n* pháp lu *t* khác thì có ngh *a* nh *tr* ong các v *n* b *n* pháp lu *t* ó.

## **i u 2. Tên, a ch , tr s chính**

1. Tên g *i* y : **CÔNG TY C PH N V N T I NG S T SÀI GÒN**
2. Tên giao d *ch qu* c t : Saigon Railway Transport Joint Stock Company
3. Tên g *i* t t: **SARATRANS., JSC**
4. Tr *s* chính: S 136 Hàm Nghi, Ph *ng* B *n* Thành, Qu *n* 1, TP. H *Chí Minh*
5. *i* n tho *i*: (08) 3829.0198 Fax: (08) 3822.5722
6. E-mail: info@saigonrailway.com.vn
7. Bi *u* t *ng* (Logo) :



### **Điểm 3. Hình thức pháp lý, tổ chức pháp nhân và thẩm quyền hoạt động của Công ty**

#### **1. Hình thức doanh nghiệp:**

- Công ty cổ phần Việt Nam Sài Gòn là doanh nghiệp có thành lập dưới hình thức chuyên trách Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Sài Gòn Việt Nam sở hữu 100% vốn đầu tư sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Sài Gòn Việt Nam nắm giữ các phần chi phí;

- Công ty cổ phần Việt Nam Sài Gòn có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **2. Công ty cổ phần Việt Nam Sài Gòn có:**

a) Tổ chức pháp nhân, con dấu riêng và các tài khoản tài chính Việt Nam và ngoài Việt Nam Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và hiện nay.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thế chấp, cầm cố, nghĩa vụ của chủ sở hữu về các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi sở hữu do Công ty đầu tư.

c) Quy định nội bộ, sổ sách và hồ sơ tài chính riêng, thống kê, báo cáo riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty cổ phần Việt Nam Sài Gòn có mã số (01) đăng ký theo pháp luật.

#### **Chức năng nhiệm vụ/Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, người đại diện cho Công ty với các nguyên nhân, bản thân, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ giao dịch trung thực, công bằng, trung thực, trung thực nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, các chi tiết kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để lợi ích hoặc vì lợi ích cá nhân, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm cho có các phần, phần vốn góp chi phí từ các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 điểm này.



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và các điểm kinh doanh trong nước và nước ngoài theo các chỉ dẫn các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Từ khi chấm dứt hoạt động trước thì hạn theo **điều 64** của Điều lệ này, thì hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực tốt nhất của sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện hiệu suất làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

<b>STT</b>	<b>Nội dung ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành nghề</b>
1	Vận tải hành khách đường sắt	4911
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải bằng xe buýt	4920
4	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
5	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.	5012
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
11	Bán lẻ hàng hóa	5224
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
13	Sản xuất ô tô máy xe lửa, xe biển và toa xe	3020
14	Sản xuất phần mềm tin và thiết bị vận tải khác chưa phân vào đâu	3099
15	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu.	2599
16	Sản xuất máy móc, thiết bị.	3312
17	Sản xuất thiết bị.	3314

STT	N i dung ngành ngh kinh doanh	Mã ngành ngh
18	S a ch a và b o d ng ph ng ti n v n t i (tr ô tô, mô tô, xe máy và xe có ng c khác).	3315
19	S a ch a thi t b khác	3319
20	L p t máy móc và thi t b công nghi p	3320
21	B o d ng, s a ch a ô tô và xe có ng c khác	4520
22	Bán ph tùng và các b ph n ph tr c a ô tô và xe có ng c khác	4530
23	Bán buôn nhiên li u r n, l ng, khí và các s n ph m liên quan	4661
24	Bán buôn chuyên doanh khác ch a c phân vào âu	4669
25	Bán buôn th c ph m (không ho t ng t i tr s )	4632
26	Bán buôn dung khác cho gia ình. Chi ti t: Bán buôn hàng tiêu dùng (tr đ c ph m)	4649
27	Cho thuê xe có ng c	7710
28	Cho thuê máy móc, thi t b và dung h u hình khác	7730
29	Ho t ng c a i lý và môi gi i b o hi m.	6622
30	S n xu t th c ph m khác ch a c phân vào âu	1079
31	Bán l th c ph m trong các c a hàng chuyên doanh	4722
32	D ch v l u trú ng n ngày	5510
33	Nhà hàng và các d ch v n u ng l u ng	5610
34	Cung c p các d ch v n u ng theo h p ng không th ng xuyên v i khách hàng (ph c v ti c, h i h p, ám c i ...)	5621
35	D ch v n u ng khác	5629
36	Ho t ng vi n thông khác	6190
37	Qu ng cáo	7310
38	Ho t ng thi t k chuyên d ng	7410
39	Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có liên quan	7110
40	i lý du l ch	7911
41	i u hành tua du l ch	7912
42	D ch v h tr liên quan n qu ng bá và t ch c tua du l ch	7920
43	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh khác còn l i ch a c phân vào âu	8299
44	Ho t ng c a các c s th thao	9311
45	Ho t ng th thao khác	9319

STT	N i dung ngành ngh kinh doanh	Mã ngành ngh
46	Ho t ng vui ch i gi i trí khác ch a c phân vào âu	9329
47	D ch v t m h i, massage và các d ch v t ng c ng s c kho t ng t (tr ho t ng th thao)	9610
48	C t tóc, làm u, g i u	9631
49	Ho t ng d ch v ph c v hôn l	9633
50	Kinh doanh b t ng s n, quy n s d ng t thu c ch s h u, ch s d ng ho c i thuê	6810

#### **i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng**

Công ty c ti n hành t t c các ho t ng kinh phù h p v i Chi n l c phát tri n chung c a T ng công ty và quy nh c a pháp lu t hi n hành; th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

#### **i u 6. T ch c ng C ng s n Vi t Nam và các t ch c chính tr - xã h i trong Công ty**

1. T ch c ng C ng s n Vi t Nam trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp, pháp lu t và i u l c a ng C ng s n Vi t Nam.

2. Các t ch c chính tr - xã h i khác trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp, pháp lu t và i u l c a các t ch c chính tr - xã h i phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

3. Công ty tôn tr ng, t o i u ki n thu n l i v c s v t ch t, th i gian và i u ki n c n thi t khác các t ch c ng, t ch c chính tr - xã h i t i Công ty ho t ng theo quy nh c a pháp lu t và i u l c a các t ch c ó.

## **CH NG II**

### **V N I U L , C PH N**

#### **i u 7. V n i u l , c ph n**

1. V n i u l c a Công ty là ..... VN (**B ng ch : .....** ng)

T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành ..... c ph n (**B ng ch : .....** c ph n) v i m nh giá m t c ph n là 10.000 VN /c ph n (m i nghìn ng/m t c ph n).

**C c u v n c xác nh nh sau:**

- C ph n Nhà n c n m gi : ... c ph n, chi m ... % v n i u l ;
- C ph n bán u ãi cho ng i lao ng: ... c ph n, chi m ... % v n i u l ;
- C ph n bán u ãi cho t ch c công oàn: 0 c ph n, chi m 0 % v n i u l ;

d) Công ty bán cho nhà đầu tư chỉ nội địa: ... công ty, chi nhánh ... và nội địa;

e) Công ty bán cho nhà đầu tư bên ngoài: ... công ty, chi nhánh và nội địa;

2. Công ty có thể thay đổi nội địa trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quy định của Điều lệ Công ty, Công ty hoàn trả góp phần vốn góp cho công ty theo tỷ lệ số vốn của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hạn 02 năm, kể từ ngày ký doanh nghiệp và báo cáo thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho công ty;

b) Công ty mua lại công ty đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

c) Nội địa không thực hiện các công việc thanh toán và ứng dụng theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.

3. Toàn bộ vốn của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là vốn phổ thông, trong đó vốn của người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty và vốn của Công ty chỉ nội địa là vốn phổ thông hiện chuyển nhượng. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo vốn phổ thông thực hiện tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Công ty thu số vốn của Người lao động trong Công ty mua trước theo cam kết làm việc lâu dài thì hiện thành lập công ty chuyển nhượng thành vốn phổ thông do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Người nắm giữ công ty mua trước theo thời gian cam kết làm việc lâu dài thì doanh nghiệp có quy định và nghĩa vụ của công ty phổ thông, ngoài quy định chuyển nhượng công ty. Sau thời gian cam kết kể từ ngày Công ty công bố Giấy chứng nhận ký doanh nghiệp các hiện chuyển nhượng công ty của Người lao động trong Công ty được bãi bỏ.

5. Công ty có thể phát hành các loại công ty sau khi có sự chấp thuận của Điều lệ công ty và phù hợp với các quy định pháp luật.

6. Công ty phổ thông phát hành thêm phần ưu tiên chào bán cho các công ty hiện hữu theo tỷ lệ tổng số vốn phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác. Số vốn công ty không ký mua do Hội đồng quản trị của Công ty quy định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số vốn cho các hiện theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số vốn cho theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các công ty hiện hữu trừ trường hợp Hội đồng quản trị khác hoặc công ty bán qua Tổ chức tài chính trung gian theo phương thức ưu đãi.

7. Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số vốn phổ thông đã bán, góp phần hoặc toàn bộ vốn ưu đãi để bán phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và

điều này. Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của điều này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi cần thiết thông qua Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật. **Trình hợp Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, từng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành thì phải báo cáo Hội đồng quản trị trước khi thực hiện. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ ghi trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.**

9. Trong quá trình hoạt động, phần vốn nhà đầu tư của Công ty có thể tiếp tục bán bất động sản nắm giữ theo phương án thanh lý để phê duyệt. Việc bán bất động sản nêu trên phải có sự đồng ý của phần vốn nhà đầu tư của Công ty lập phương án, báo cáo có thể kèm quy định phê duyệt.

#### **Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Công ty có thể cấp chứng nhận cổ phiếu cho người sở hữu phần và lợi ích phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà công nhận, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua cổ phần theo những quy định của pháp luật phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần có thể cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trình hợp cấp chứng nhận cổ phiếu bằng hình thức xóa hoặc bỏ ảnh mặt, mặt copy hoặc tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có thể yêu cầu cấp chứng nhận cổ phiếu mới vì lý do kỹ thuật của nhà đăng ký và thanh toán mặt chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) có thể phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thanh lý cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều có thể chuyển nhượng trừ khi điều này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ **ng ký giao**

d ch trên h th ng giao d ch Upcom c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan n s c ph n này, bao g m: quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.

3. C ph n mua u ã c a Công oàn Công ty không c chuy n nh ng.

4. Vi c chuy n nh ng c ph n u ã thu c s h u c a ng i ng i lao ng theo th i gian cam k t làm vi c lâu dài t i Công ty th c hi n theo quy nh t i Ngh nh 59/2011/N -CP ngày 18/07/2011 v chuy n doanh nghi p 100% v n Nhà n c thành công ty c ph n.

5. Vi c chuy n nh ng c th c hi n b ng h p ng theo cách thông th ng ho c thông qua giao d ch trên th tr ng ch ng khoán. Tr ng h p chuy n nh ng b ng h p ng thì gi y t chuy n nh ng ph i c bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng ho c i di n y quy n c a h ký. Tr ng h p chuy n nh ng thông qua giao d ch trên th tr ng ch ng khoán, trình t , th t c và vi c ghi nh n s h u th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán.

6. C ph n c a C ông chi n l c b h n ch chuy n nh ng trong vòng ... n m k t ngày c ông chi n l c ã góp v n vào công ty y .

7. Tr ng h p c ông là cá nhân ch t thì ng i th a k theo di chúc ho c theo pháp lu t c a c ông ó là c ông c a Công ty.

8. Tr ng h p c ph n c a c ông là cá nhân ch t mà không có ng i th a k , ng i th a k t ch i nh n th a k ho c b tru t quy n th a k thì s c ph n ó c gi i quy t theo quy nh c a pháp lu t v dân s .

9. C ông có quy n t ng cho m t ph n ho c toàn b c ph n c a mình t i Công ty cho ng i khác; s d ng c ph n tr n . Tr ng h p này, ng i c t ng cho ho c nh n tr n b ng c ph n s là c ông c a Công ty.

10. Tr ng h p c ông chuy n nh ng m t s c ph n thì ch ng nh n c phi u c b h y b và Công ty phát hành ch ng nh n c phi u m i ghi nh n s c ph n ã chuy n nh ng và s c ph n còn l i.

11. Ng i nh n c ph n trong các tr ng h p quy nh t i i u này ch tr thành c ông Công ty t th i i m các thông tin c a h quy nh t i Kho n 2 i u 121 c a Lu t Doanh nghi p c ghi y vào S ng ký c ông.

### **i u 11. Thu h i c ph n**

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i

cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.

4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c ti p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l b ng lãi su t vay ng n h n Ngân hàng mà Công ty có giao d ch vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.

6. Thông báo thu h i c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c gi thông báo.

## **i u 12. Mua l i c ph n, trái phi u, i u ki n thanh toán và x lý các c ph n c mua l i**

1. C ph n, trái phi u c a Công ty có th c mua b ng ng Vi t Nam, ngo i t t do chuy n i, vàng, giá tr quy n s đ ng t, giá tr quy n s h u trí tu , công ngh , bí quy t k thu t, các tài s n khác quy nh t i i u l Công ty và ph i c thanh toán m t l n.

2. C ông bi u quy t ph n i quy t nh v vi c t ch c l i Công ty ho c thay i quy n, ngh a v c a c ông quy nh t i i u l Công ty có quy n yêu c u Công ty mua l i c ph n c a mình. Vi c yêu c u c a c ng th c hi n theo quy nh t i i u 129 Lu t Doanh nghi p và các quy nh khác liên quan.

3. Công ty có quy n mua l i không quá 30% t ng s c ph n ph thông ã bán, m t ph n ho c toàn b c ph n u ã ã bán theo quy nh sau ây:

a) H i ng qu n tr có quy n quy t nh mua l i không quá 10% t ng s c ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong 12 tháng. Tr ng h p khác, vi c mua l i c ph n do i h i ng c ông quy t nh;

b) H i ng qu n tr quy t nh giá mua l i c ph n. i v i c ph n ph thông, giá mua l i không c cao h n giá th tr ng t i th i i m mua l i, tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 i u 130 Lu t Doanh nghi p. i v i c ph n lo i khác, n u i u l Công ty không quy nh ho c Công ty và c ông có liên quan không có th a thu n khác thì giá mua l i không c th p h n giá th tr ng;

4. Trình t th t c t i n hành vi c mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông ho c theo quy t nh c a Công ty và vi c thanh toán, x lý các c ph n mua l i th c hi n theo quy nh t i Kho n 3 i u 130, i u 131 Lu t Doanh nghi p và các quy nh khác liên quan.

### **i u 13. Tr c t c**

1. C t c tr cho c ph n u ãi c th c hi n theo các i u ki n áp d ng riêng cho m i lo i c ph n u ãi.

2. C t c tr cho c ph n ph thông c xác nh c n c vào s l i nhu n rông ã th c hi n và kho n chi tr c t c c trích t ngu n l i nhu n gi l i c a Công ty. Công ty ch c tr c t c c a c ph n ph thông khi có các i u ki n sau ây:

a) Công ty ã hoàn thành ngh a v thu và các ngh a v tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t;

b) ã trích l p các qu Công ty và bù p l tr c ó theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty;

c) Ngay sau khi tr h t s c t c ã nh, Công ty v n b o m thanh toán các kho n n và ngh a v tài s n khác n h n.

3. C t c có th c chi tr b ng t i n m t, b ng c ph n c a Công ty ho c b ng tài s n khác quy nh t i i u l Công ty. N u chi tr b ng t i n m t thì ph i c th c hi n b ng ng Vi t Nam và có th c chi tr b ng séc, chuy n kho n ho c l nh tr t i n g i b ng b u i n n a ch th ng trú ho c a ch liên l c c a c ông.

4. C t c ph i c thanh toán y trong th i h n 06 (sáu) tháng, k t ngày k t thúc h p i h i ng c ông th ng niên. H i ng qu n tr l p danh sách c ông c nh n c t c, xác nh m c c t c c tr i v i t ng c ph n, th i h n và hình th c tr ch m nh t 30 ngày tr c m i l n tr c t c. Thông báo v tr c t c c g i b ng ph ng th c b o m n c ông theo a ch ng ký trong s ng ký c ông ch m nh t 15 ngày tr c khi th c hi n tr c t c. Thông báo ph i có các n i dung sau ây:

a) Tên Công ty và a ch tr s chính c a Công ty;

b) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân;

c) Tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ông là t ch c;



d) Số lượng công nhân và vật tư công; mức độ chi phí công nhân và vật tư công mà công nhân;

) Thời gian và phương thức trả;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp công chuyển nhượng công nhân của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách công nhân và thời điểm trả thì người chuyển nhượng là người nhận trả Công ty.

6. Trường hợp chi trả công nhân, Công ty không phải làm thủ tục chào bán công nhân theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải ký đồng thuận với người nhận chuyển nhượng giá trị nhân giá các công nhân dùng chi trả trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán công nhân.

#### **Điều 14. Thủ tục thanh toán công nhân mua trái phiếu công nhân**

Trường hợp việc thanh toán công nhân mua trái phiếu quy định của pháp luật và điều 13 Công ty hoặc việc trả trái phiếu điều 13 điều này, công nhân hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác nhau. Trường hợp có công nhân không hoàn trả cho Công ty thì công nhân và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tiền, tài sản đã trả cho công nhân mà chưa hoàn trả.

### **CHƯƠNG III**

#### **CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Cấu trúc, quản trị và kiểm soát**

Cấu trúc quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng công nhân;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

## M C I C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

### **Đ i u 16. Quy n c a c ông**

1. Công là ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. Công ch ch u trách nhi m v các kho n n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.

2. Công n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:

a) Tham d và phát bi u trong các cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p t i i h i ng c ông ho c thông qua i di n c u quy n ho c th c hi n b phi u t xa; M i c ph n ph thông có m t (01) phi u bi u quy t;

b) Nh n c t c v i m c theo quy t nh c a i h i ng c ông;

c) T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y c a mình cho ng i khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành, **tr m t s tr ng h p b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a Pháp lu t, i u l này và Quy t nh c a i h i ng c ông.**

d) c u tiên mua c ph n m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;

) Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin trong danh sách c ông có quy n bi u quy t và có quy n yêu c u s d ng các thông tin không chính xác liên quan n c ông trong Danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l Công ty, Biên b n h p i h i ng c ông và các Ngh quy t c a i h i ng c ông;

g) Tr ng h p Công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n s h u t i Công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông n m gi lo i c ph n khác c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t;

h) Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này;

i) Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

3. Công ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên trong th i h n liên t c ít nh t t sáu (06) tháng tr lên có các quy n sau:

a) c các ng viên H i ng qu n tr ho c Ban K i m soát tuân theo quy nh t ng ng t i các **Kho n 3 i u 30 và Kho n 4 i u 47** i u l này;

b) Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông trong các tr ng h p quy nh t i **Kho n 3 i u 114** và i u 136 Lu t Doanh nghi p;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công có quyền tham dự và biểu quyết hội đồng;

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra thực tế liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thực tiễn. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ, ngành nghề, quốc tịch, số Thẻ công nhân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu công là cá nhân; tên, địa chỉ, ngành nghề, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp nếu công là tổ chức; số đăng ký phần và thời gian ký chứng nhận tại công, tên số phần của nhóm công và tổng số phần của Công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;

g) Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mục địa chỉ ngành kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

e) Các quy định khác của quy định nội bộ này.

#### **Điều 17. Nghĩa vụ của công**

Công có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán và ứng theo đúng số phần cam kết/ đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng phần thông qua khi Công ty đi tìm kiếm hình thức, mở rộng quy mô Công ty hoặc ngành khác mua lại phần. Trường hợp có công rút phần hoặc toàn bộ vốn phần đã góp trái với quy định nội bộ này thì công đó và người có liên hệ liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ nội bộ Công ty và các quy định quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quy định của hội đồng, Hội đồng quản trị.

3. Tham gia các cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định nội bộ quy định trình tự hoặc thông qua đi đến quyết định hoặc thực hiện biểu quyết. Công có thể quy định cho thành viên Hội đồng quản trị làm đi đến cho mình biểu quyết.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua phần.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi tìm kiếm hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái với hợp đồng và lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra vì lợi ích của Công ty.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 18. Nghĩa vụ công đồng**

1. Nghĩa vụ công đồng gồm tất cả các công việc quy định bởi quy định, là cơ quan quy định nội bộ của Công ty.

Nhiệm kỳ công đồng thường niên được tổ chức họp minimum (01) lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo quy định của Hội đồng quản trị, cơ quan ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Mọi thành viên của Hội đồng công đồng phải trên lãnh thổ Việt Nam. **Thành viên của Hội đồng công đồng có thể khác nhau thì mọi thành viên của Hội đồng công đồng xác nhận là nhân viên tham dự họp.**

2. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai họp của Hội đồng công đồng thường niên và lựa chọn mọi thành viên của Hội đồng công đồng thường niên quy định như sau theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kế toán viên công đồng có thể mời tham dự của Hội đồng công đồng để xem xét thông tin qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp của Hội đồng công đồng bất kỳ trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Ban Giám đốc kiểm toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh vấn đề sâu sắc hoặc bất thường (1/2) số vốn của công ty;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp của Hội đồng công đồng bất kỳ. Yêu cầu triệu tập họp của Hội đồng công đồng phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp, có thể ký các công đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu công đồng lập thành văn bản, trong đó mô tả nội dung chi tiết của đề nghị và các công đồng có liên quan;

e) Ban Giám đốc yêu cầu triệu tập họp của Ban Giám đốc có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý nghĩa hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triển khai họp của Hội đồng công đồng bất kỳ:

a) Hội đồng quản trị phê duyệt phương án kinh doanh trong thời hạn ba m (30) ngày kể từ ngày s thành viên Hội đồng quản trị còn l i nh quy nh t i i m c Kho n 3 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m d và i m e Kho n 3 i u này. Tr ng h p Hội đồng quản trị không tri u t p h p i h i ng c ô ng nh quy nh thì Ch t ch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi t h i phát sinh cho Công ty;

b) Tr ng h p Hội đồng quản trị không tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh t i i m a Kho n 4 i u này thì trong th i h n ba m i (30) ngày t i p theo, Ban Ki m soát ph i thay th Hội đồng quản trị tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh Kho n 5 i u 136 Lu t Doanh nghi p. Tr ng h p Ban Ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ô ng nh quy nh thì Ban Ki m soát ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi t h i phát sinh cho Công ty;

c) Tr ng h p Ban Ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh t i i m b Kho n 4 i u này thì trong th i h n ba m i (30) ngày t i p theo, c ô ng, nhóm c ô ng có yêu c u quy nh t i i m d Kho n 3 i u này có quy n i đi n Công ty tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này.

Ng i tri u t p ph i th c hi n các công vi c sau ây t ch c h p i h i ng c ô ng:

- L p danh sách c ô ng có quy n d h p;
- Cung c p thông tin và gi i quy t khi u n i liên quan n danh sách c ô ng;
- L p ch ng trình và n i dung cu c h p;
- Chu n b tài li u cho cu c h p;
- D th o ngh quy t c a i h i ng c ô ng theo n i dung d ki n c a cu c h p; danh sách và thông tin chi ti t c a các ng c viên trong tr ng h p b u thành viên Hội đồng quản trị, Ki m soát viên;
- Xác nh th i gian và a i m h p;
- G i thông báo m i h p n t ng c ô ng có quy n d h p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này;
- Các công vi c khác ph c v cu c h p.

Trong tr ng h p này, c ô ng ho c nhóm c ô ng tri u t p h p i h i ng c ô ng có quy n ngh c quan ng ký doanh nghi p giám sát trình t , th t c tri u t p, t i n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ô ng.

5. T t c chi phí cho vi c tri u t p và t i n hành h p i h i ng c ô ng quy nh t i i m b, c Kho n 4 i u này c Công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ô ng chi tiêu khi tham d i h i ng c ô ng, k c chi phí n và i l i.

## **Điểm 19. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng**

1. Hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Các báo cáo tài chính hàng năm và các chỉ số tài chính;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- e) Mốc cổ tức và lợi ích phân phối;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Hội đồng thường niên và bất thường quyết định những vấn đề sau đây:

g) Thông qua những kế hoạch phát triển của Công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

h) Quyết định lợi ích phân phối và tăng số vốn của công ty để quy định chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của công ty; Mức cổ tức này không cao hơn mức cổ tức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng tài chính và Hội đồng.

i) Bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

j) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và của Ban Kiểm soát;

k) Lựa chọn công ty kiểm toán;

l) Tăng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

m) Quyết định mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

n) Chi phí thu nhập các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và:

- Công đồng, nghị quyết của Hội đồng sẽ được thông qua trên 10% tổng số vốn thông qua của công ty và những người có liên quan khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan khác;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Trong hợp đồng này, nghị quyết của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan về nội dung, giao dịch đó; đồng thời kèm theo danh sách hợp đồng hoặc thông báo nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị trình danh sách hợp đồng ghi nội dung chi tiết của giao dịch cụ thể cho Hội đồng công đồng hoặc lý do của Hội đồng bằng văn bản. Trong hợp đồng này, công đồng có lợi ích liên quan

không có quy định bắt buộc; hợp đồng giao dịch có thể thu tiền khi có sự đồng ý  
đến 65% tổng số vốn bắt buộc quy định còn lại tán thành.

- o) Quy định sai, bổ sung nội dung Công ty;
- p) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- q) Quy định mua lại trên 10% tổng số phần trăm bán cam kết;
- r) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại  
cho Công ty và công đồng Công ty;
- s) Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty (nếu có);
- t) Quy định thành lập, giải thể Công ty;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của nội dung này và các quy định khác của Công ty.

3. Công đồng không được tham gia vào các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 nội dung này khi công đồng hoặc người có  
liên quan tới công đồng là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại các phần của công đồng hoặc cá nhân có liên quan tới công đồng ở  
trường hợp việc mua lại các phần của công đồng theo thỏa thuận của tất cả các công đồng  
việc mua lại được thực hiện thông qua hợp đồng chào mua công khai trên Sàn giao dịch  
chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đưa vào chương trình họp phải đưa  
ra thảo luận và bắt buộc phải thông qua công đồng.

#### **Điều 20. Các điều kiện quy định**

1. Các công đồng có quyền tham gia hội đồng công đồng theo luật pháp có thể trực tiếp  
tham dự họp, quy định về quyền biểu quyết của mình tham dự họp hoặc thông qua mặt  
trong các hình thức quy định tại Khoản 2 nội dung này. Trường hợp có nhu cầu thì người  
điều kiện của công đồng phải xác định số phần trăm và số vốn của quy định cho mình  
điều kiện.

Việc quy định cho người điều kiện họp hội đồng công đồng phải lập thành văn bản  
theo mục của Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp công đồng cá nhân là người quy định thì người quy định phải có chữ ký của  
công đồng và người biểu quyết;
- b) Trường hợp người điều kiện theo quy định của công đồng là tổ chức là người quy định  
thì người quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp  
luật của công đồng và người biểu quyết;
- c) Trong trường hợp khác thì người quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp  
luật của công đồng và người biểu quyết.

Ng i c u quy n d h p i h i ng c ông ph i n p v n b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

2. C ông c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong tr ng h p sau ây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho m t ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua g i th , fax, th i n t .

3. Tr ng h p l u t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i gi y u quy n cho l u t s ho c b n sao h p l c a gi y u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n d h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

- a) Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;
- b) Ng i u quy n ã hu b vi c ch nh u quy n;
- c) Ng i u quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

#### **i u 21. Thay i các quy n**

1. Vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ã có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 65% c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ã nói trên bi u quy t thông qua. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ã thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h ) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c



qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 23 và i u 26 i u l này.

3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

## **i u 22. Tri u t p i h i ng c ô ng, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ô ng**

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ô ng ho c i h i ng c ô ng c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m b ho c i m c Kho n 4 i u 18 i u l này.

2. Ng i tri u t p i h i ng c ô ng ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a) Chu n b danh sách các c ô ng i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ch m nh t ba m i (30) ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ô ng; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty. C ô ng có quy n ki m tra, tra c u, trích l c và sao danh sách c ô ng có quy n d h p i h i ng c ô ng; yêu c u s a i nh ng thông tin sai l ch ho c b sung nh ng thông tin c n thi t v mình trong danh sách c ô ng có quy n d h p i h i ng c ô ng;

b) Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c) Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ô ng cho t t c các c ô ng có quy n d h p.

**d) Và các công vi c khác ph c v cu c h p theo quy nh c a Pháp lu t.**

3. Thông báo h p i h i ng c ô ng c g i cho t t c các c ô ng ng th i công b trên trang thông tin i n t (website) c a Công ty. Thông báo h p i h i ng c ô ng ph i c g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng c ô ng, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th ). Ch ng trình h p i h i ng c ô ng, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ô ng ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ô ng, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ô ng có th ti p c n.

4. C ô ng ho c nhóm c ô ng c c p t i Kho n 3 i u 16 i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ô ng. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i

ng công. Xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng tr ình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 i u này trong các tr ình h p sau:

a) Xu t c gi n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b) Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 10% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 16 i u l này;

c) V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua;

d) Các tr ình h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i Kho n 4 i u này vào d ki n ch ng tr ình và n i dung cu c h p, tr tr ình h p quy nh t i Kho n 5 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng tr ình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

7. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng tr ình h p.

8. Tr ình p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c tham d thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ình h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng tr ình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng tr ình.

### **i u 23. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông**

1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t **65%** t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ình h p cu c h p l n th nh t không có s l ng c ông t i n hành trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p hu cu c h p và i h i ng c ông ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l n th hai ch c t i n hành khi có s c ông và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t **51%** t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ình h p i h i l n th hai không i u ki n t i n hành trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p hu cu c h p và c tri u t p h p l n th ba trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai và trong tr ình h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào t ng s phi u bi u

quy tắc của các công đồng lập và có quy định quy tắc nội bộ các văn bản điều kiện phê chuẩn thì khi công đồng lập nội bộ.

4. Chủ tịch công đồng lập có quy định thay đổi chương trình lập để kèm theo thông báo mời lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 24. Thủ tục tiến hành lập và biểu quyết thì khi công đồng lập**

1. Vào ngày tổ chức lập công đồng lập, trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục ký công đồng lập và phải thực hiện việc ký cho nhân viên công đồng lập có quy định lập có mặt ký kết.

Khi tiến hành ký công đồng lập, Công ty cấp cho từng công đồng lập hoặc đi nhân viên quy định quy định biểu quyết mặt biểu quyết, trên đó ghi số ký, họ và tên của công đồng lập và tên đi nhân viên quy định và số phiếu biểu quyết của công đồng lập.

2. Việc bầu Chủ tịch, thư ký và ban kiểm phiếu quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tịch cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu trong số họ làm chủ tịch cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tịch thì Trưởng Ban kiểm soát triệu tập khi cần lập công đồng lập bầu chủ tịch cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký triệu tập phải lập công đồng lập triệu tập bầu chủ tịch cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp;

c) Chủ tịch tạm thời cử người làm thư ký cuộc họp;

d) Khi lập công đồng lập bầu tạm thời cử vào ban kiểm phiếu theo nguyên tắc bầu chủ tịch cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải lập công đồng lập thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian và nội dung trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tịch có quy định thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý triệu tập khi cần cuộc họp mặt cách có trật tự, đúng theo chương trình đã lập thông qua và phản ánh mong muốn của các thành viên;

5. Khi lập công đồng lập thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tiến hành bằng cách thu thập biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thập biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu và số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu của chủ tịch công đồng lập ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề;

6. Công hồ công i c y quy n d h p n sau khi cu c h p ã khai m c v n c ng ký và có quy n tham gia bi u quy t ngay sau khi ng ký; trong tr ng h p này, hi u l c c a nh ng n i dung ã c bi u quy t tr c ó không thay i;

7. Ng i tri u t p h p i h i ng c ô ng có các quy n sau ây:

a) Yêu c u t t c ng i d h p ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác;

b) Yêu c u c quan có th m quy n duy trì tr t t cu c h p; tr c xu t nh ng ng i không tuân th quy n i u hành c a ch t a, c ý gây r i tr t t , ng n c n ti n tri n bình th ng c a cu c h p ho c không tuân th các yêu c u v ki m tra an ninh ra kh i cu c h p i h i ng c ô ng;

8. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ô ng ã có s ng i ng ký d h p theo quy nh n m t th i i m khác ho c thay i a i m h p trong các tr ng h p sau ây:

a) a i m h p không có ch ng i thu n ti n cho t t c ng i d h p;

b) Các ph ng ti n thông tin t i a i m h p không b o m cho các c ô ng d h p tham gia, th o lu n và bi u quy t;

c) Có ng i d h p c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c ti n hành m t cách công b ng và h p pháp.

Th i gian hoãn t i a không quá 03 ngày, k t ngày cu c h p d nh khai m c;

9. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng h p i h i ng c ô ng trái v i quy nh t i Kho n 8 i u này, i h i ng c ô ng b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc; t t c các ngh quy t c thông qua t i cu c h p ó u có hi u l c thi hành.

#### **i u 25. Thông qua ngh quy t c a i h i ng c ô ng**

1. i h i ng c ô ng thông qua các quy t nh thu c th m quy n b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l y ý ki n b ng v n b n. Ngh quy t c a i h i ng c ô ng v các v n sau ây ph i c thông qua b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ô ng:

a) S a i, b sung các n i dung c a i u l Công ty;

b) nh h ng phát tri n Công ty;

c) Lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;

d) B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban Ki m soát;

) Quy t nh u t ho c bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Thành lập, giải thể (thanh lý) Công ty.

2. Nghị quyết nội dung sau đây được thông qua nếu các công viên đi ít nhất 75% tổng số phiếu bầu quy định tại các công viên họp tán thành:

a) Lợi ích phi lợi nhuận và số lượng phiếu bầu chào bán;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công viên trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

d) Thành lập, giải thể (thanh lý) Công ty;

e) Sáp nhập hoặc bổ sung vào Công ty;.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi các công viên đi ít nhất 65% tổng số phiếu bầu quy định tại các công viên họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 của Điều này;

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của pháp luật, theo số lượng công viên có tổng số phiếu bầu quy định trong quy định của pháp luật về nhân viên thành viên bầu vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và công viên có quyền đề nghị một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số công viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác nhận theo số phiếu bầu tính theo cao nhất, bất luận công viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định của Công ty. Trường hợp có hai (02) công viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì tiến hành bốc thăm trong số các công viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của Công ty.

5. Nghị quyết của Hội đồng công viên phải công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và được coi là một hình thức thay thế cho việc Nghị quyết của Hội đồng công viên các công viên trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

## **Điều 26. Thẩm quyền và thủ tục lý kiến công bằng và bản thông qua nghị quyết của Hội đồng công viên**

Thẩm quyền và thủ tục lý kiến công bằng và bản thông qua nghị quyết của Hội đồng công viên thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý kiến công bằng và bản thông qua nghị quyết của Hội đồng công viên khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuyển phiếu lý kiến, đề nghị nghị quyết của Hội đồng công viên, các tài liệu ghi trình đề nghị nghị quyết và ghi nhận tại các công viên có quyền biểu quyết

chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ủy ký n. Việc lập danh sách công gửi phiếu ủy ký n thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu ủy ký n và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điều 139 của Luật Doanh nghiệp;

3. Phiếu ủy ký n phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích ủy ký n;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công là tổ chức hoặc, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đi n theo quy định của công là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu ủy ký n quy định của công;

d) Văn bản ủy ký n thông qua;

đ) Phấn án ủy ký n quy định bảo quản, không bán thành và không có ý ký n;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu ủy ký n để xử lý;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi n theo pháp luật của Công ty;

4. Công có thể gửi phiếu ủy ký n để xử lý n Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu ủy ký n để xử lý phải có chữ ký của công là cá nhân, của người đi n theo quy định hoặc người đi n theo pháp luật của công là tổ chức. Phiếu ủy ký n gửi về Công ty phải đóng trong phong bì dán kín và không ai được quy n mở trước khi ký n phi u;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu ủy ký n gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải đóng bí mật n thư điện tử ký n phi u.

Các phiếu ủy ký n gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định n nội dung phiếu ủy ký n hoặc đã bị mất trong trường hợp gửi thư và bị thất lạc trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu ủy ký n không có chữ ký của công coi là phi u không tham gia ủy ký n;

5. Hội đồng quản trị tổ chức ký n phi u và lập biên bản ký n phi u để lưu trữ n Công ty. Ban kiểm soát hoặc công không n mở chữ ký n phi u của Công ty.

Biên bản ký n phi u phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các văn bản ủy ký n thông qua quy định;

c) Số công viên và số phi u bị u quy t ã tham gia bị u quy t, trong ó phân bị t s phi u bị u quy t h p l và s bị u quy t không h p l và ph ãng th c g i bị u quy t, kèm theo ph l c danh sách công tham gia bị u quy t;

d) Tên s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ãng v n ;

) Các v n ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ãng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty, ng i giám sát ki m phi u và ng i ki m phi u.

Các thành viên H i ãng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t ãng thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công Ty trong th i h n hai m i t (24) gi và ây c coi là m t hình th c thay th cho vi c g i Biên b n ki m phi u n các công trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u;

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n c l u gi t i tr s chính c a Công ty;

8. Tr ãng h p thông qua ngh quy t d i hình th c l y ý ki n b ãng v n b n thì ngh quy t c a i h i ãng công c thông qua n u c s c công i di n ít nh t 75% t ãng s phi u bị u quy t tán thành.

9. Ngh quy t c thông qua theo hình th c l y ý ki n c công b ãng v n b n có giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p i h i ãng công.

### **i u 27. Biên b n h p i h i ãng công**

1. Cu c h p i h i ãng công ph i c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ãng ti ãng Vi t, có th l p thêm b ãng ti ãng n c ngoài và có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;

b) Th i gian và a i m h p i h i ãng công;

c) Ch ãng trình và n i dung cu c h p;

d) H , tên ch t a và th ký;

) Tóm t t di n b i n cu c h p và các ý ki n phát bi u t i i h i ãng công v t ãng v n trong n i dung ch ãng trình h p;

e) Số công và t ãng s phi u bị u quy t c a các công d h p, ph l c danh sách ãng ký công, i di n công d h p v i s c ph n và s phi u b u t ãng ãng;

g) Tổng số phiếu bầu quy tắc nội bộ và quy tắc, trong đó ghi rõ phương thức bầu quy tắc, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tổng số phiếu bầu quy tắc cá nhân đồng thuận;

h) Các văn bản thông qua và tài liệu bầu quy tắc thông qua tổng hợp;

i) Chứng cứ xác minh và thủ tục.

Biên bản họp ban chấp hành Công ty và thành viên ngoài nước có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản họp ban chấp hành Công ty và thành viên ngoài nước thì nội dung trong biên bản họp ban chấp hành Công ty có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ban chấp hành Công ty phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chứng cứ và thủ tục phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ban chấp hành Công ty phải công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và được coi là một hình thức thay thế cho việc gửi Biên bản họp ban chấp hành Công ty công bố trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc họp ban chấp hành Công ty.

**Phiên bản dự kiến của Điều lệ, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp ban chấp hành Công ty, phôi danh sách công bố kết quả bầu cử, quy tắc thông qua và tài liệu có liên quan** kèm theo thông báo mời họp phải gửi tới tất cả các thành viên Công ty.

#### **Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ban chấp hành Công ty hoặc biên bản kiểm phiếu dự kiến họp ban chấp hành Công ty, nhóm công bố quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và bầu quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 22 và Khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này;

2. Nội dung quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty.

#### **Điều 29. Hiệu lực các quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty**

1. Các quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc thời điểm hiệu lực ghi trong quy tắc.

2. Các quy tắc bầu cử ban chấp hành Công ty được thông qua bằng 100% tổng số thành viên có quyền bầu quy tắc là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình tự và thủ tục thông qua quy tắc đó không thực hiện đúng quy định.



3. Trường hợp có công, nhóm công yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng theo quy định tại **điều 28** của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của các quan có thẩm quyền.

## **M C II**

### **H I NG QU N TR**

#### **điều 30. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Các công nhân mặt tiền có quy định về quy tắc trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quy định quy định về quy tắc an toàn nghiệp vụ liên nhau của lượng thành viên Hội đồng quản trị, theo tỷ lệ số vốn của công nhân có quy định quy định như sau:

- a) Từ 10% đến 20% của công nhân (01) người;
- b) Từ 20% đến 30% của công nhân hai (02) người;
- c) Từ 30% đến 40% của công nhân ba (03) người;
- d) Từ 40% đến 50% của công nhân bốn (04) người;
- e) Từ 50% trở lên của công nhân (05) người.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo pháp luật dân sự.

4. Minimum, basic và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại **điều 31** của Luật này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên có gia đình sống ở nước ngoài xin chuyển công tác chính của Công ty;

- Thành viên có bệnh tật tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bệnh chuyên môn chuyên ngành y học không còn năng lực hành vi;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tiếp mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định hủy bỏ các nghĩa vụ này bằng trưng cầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Không còn là i di n theo y quy n c a c ông là t ch c theo quy t nh c a t ch c ó;

- Là i di n theo y quy n c a c ông là t ch c, nh ng t ch c ó không còn là c ông c a Công ty n a.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm theo Nghị quyết của Hội đồng Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể nhiệm kỳ khác làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế trưng cầu phát sinh và thành viên mới này phải chấp thuận từ Hội đồng Công ngay tiếp sau đó. Sau khi chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới được coi là có hiệu lực vào ngày của Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không chấp thuận Hội đồng chấp thuận, mới quy định của Hội đồng quản trị cho nên từ thời điểm đi n ra Hội đồng Công có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Hội đồng Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba số vốn quy định của công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Công trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và trường hợp chứng khoán.

### **Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; **có trình độ đại học trở lên; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết về pháp luật.**

2. Thành viên Hội đồng quản trị nhất thiết là **người nam giới của Công ty.**

3. Là công dân nhân sự ít nhất tám (08)% tổng số phần trăm thông tin công khai khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề

kinh doanh chủ yếu của Công ty và chiếm không quá 5% tổng số vốn đầu tư của Công ty và chiếm không quá 10% tổng số vốn đầu tư của Công ty thông qua công ty con.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Cổ phần Việt Nam;

5. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.

### **Điều 32. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quy định và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Hội đồng quản trị thông qua;

b) Kế hoạch logistic phân phối và tổng số vốn đầu tư chào bán của công ty;

c) Quyết định bán công ty mẹ trong phạm vi số vốn đầu tư chào bán của công ty mẹ; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán công ty mẹ và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua logistic phân phối theo quy định tại Điều 3 của Luật Công ty này;

f) Quyết định phê duyệt và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và nội quy công ty;

g) Quyết định ghi pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 2 của Luật Công ty và Khoản 1 và Khoản 3 của Điều 162 Luật doanh nghiệp.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và chi:

- Công, ng i i di n y quy n c a c ông s h u trên 10% t ng s c ph n ph thông c a Công ty và nh ng ng i có liên quan c a h ;

- Thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i có liên quan c a h ;

- Các doanh nghi p quy nh t i Kho n 2 i u 159 Lu t Doanh nghi p.

Tr ng h p này, ng i i di n Công ty ký h p ng ph i thông báo các thành viên H i ng qu n tr , Ban Ki m soát v các i t ng có liên quan i v i h p ng, giao d ch ó; ng th i kèm theo d th o h p ng ho c n i dung ch y u c a giao d ch. H i ng qu n tr quy t nh vi c ch p thu n h p ng ho c giao d ch trong th i h n 15 ngày, k t ngày nh n c thông báo; thành viên có l i ích liên quan không có quy n bi u quy t.

k) B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; b nhi m, mi n nhi m, ký h p ng, ch m d t h p ng i v i T ng Giám c và ng i qu n lý quan tr ng khác do i u l Công ty quy nh; quy t nh, tí n l ng và quy n l i khác c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i di n theo y quy n tham gia H i ng thành viên ho c i h i ng c ông Công ty khác, quy t nh m c thù lao và quy n l i khác c a nh ng ng i ó;

l) Giám sát, ch o T ng Giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty;

m) Quy t nh c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty, quy t nh thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;

n) Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua quy t nh;

o) Trình báo cáo quy t toán tài chính h ng n m lên i h i ng c ông;

p) xu t m c c t c c tr hàng n m; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh; t ch c vi c chi tr c t c;

q) xu t vi c t ch c l i, gi i th , yêu c u phá s n Công ty;

r) Báo cáo i h i ng c ông vi c H i ng qu n tr b nhi m T ng Giám c;

s) Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i cán b qu n lý c ng nh quy t nh l a ch n i di n c a Công ty gi i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý i v i cán b qu n lý ó;

t) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này.

4. H i ng qu n tr thông qua quy t nh b ng bi u quy t t i cu c h p, l y ý ki n b ng v n b n ho c hình th c khác do i u l Công ty quy nh. M i thành viên H i ng qu n tr có m t phi u bi u quy t.

5. Khi th c hi n ch c n ng, quy n và ngh a v c a mình, H i ng qu n tr tuân th úng quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty và ngh quy t c a i h i ng c ông. Trong

tr ợng h p ngh quy t do H i ng qu n tr thông qua trái v i quy nh c a pháp lu t ho c i u l Công ty gây thi t h i cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t ó ph i cùng liên i ch u trách nhi m cá nhân v ngh quy t ó và ph i n bù thi t h i cho Công ty; thành viên ph n i thông qua ngh quy t nói trên c mi n tr trách nhi m. Tr ợng h p này, c ông s h u c ph n c a Công ty liên t c trong th i h n ít nh t m t (01) n m có quy n yêu c u H i ng qu n tr ình ch th c hi n ngh quy t nói trên.

6. Thành viên H i ng qu n tr có quy n yêu c u T ng Giám c, Phó T ng Giám c, ng i qu n lý các n v trong Công ty cung c p các thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a Công ty và c a các n v trong Công ty.

T ng Giám c, Phó T ng Giám c, ng i qu n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác các thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr . Trình t , th t c yêu c u và cung c p thông tin do Công ty quy nh.

### **i u 33. Ch t ch H i ng qu n tr**

1. H i ng qu n tr b u m t thành viên H i ng qu n tr làm Ch t ch.
2. Ch t ch H i ng qu n tr có các quy n và ngh a v sau ây:
  - a) L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr ;
  - b) Chu n b ch ng trình, n i dung, tài li u ph c v cu c h p; tri u t p và ch t a cu c h p H i ng qu n tr ;
  - c) T ch c vi c thông qua ngh quy t c a H i ng qu n tr ;
  - d) Giám sát quá trình t ch c th c hi n các Ngh quy t c a H i ng qu n tr ;
    - ) Ch t a cu c h p i h i ng c ông, cu c h p H i ng qu n tr ;
  - e) Ký các v n b n c a H i ng qu n tr ;
  - g) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.
3. Tr ợng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c không th th c hi n c nhi m v c a mình thì y quy n b ng v n b n cho m t Thành viên khác th c hi n các quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c quy nh t i i u l Công ty. Tr ợng h p không có ng i c y quy n thì các Thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên t m th i gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s .
4. Khi xét th y c n thi t, Ch t ch H i ng qu n tr tuy n d ng th ký Công ty h tr H i ng qu n tr và Ch t ch H i ng qu n tr th c hi n các ngh a v thu c th m quy n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.
5. Ch t ch H i ng qu n tr có th b bãi mi n theo quy t nh c a H i ng qu n tr .

### **i u 34. Cu c h p c a H i ng qu n tr**

1. Ch t ch H i ng qu n tr s c b u trong cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n

tr nhiệm khác. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc là phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên 01 người trong số triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp bằng hình thức trực tiếp. Hội đồng quản trị họp trực tiếp chính của Công ty hoặc bằng hình thức khác tại Việt Nam theo quy định của Luật Công ty và các quy định khác của pháp luật và các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có nghị quyết của Ban Kiểm soát;
- b) Có nghị quyết của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có nghị quyết của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và nội quy Công ty.

nghị quyết lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản cần thảo luận và quy định thực hiện quy định của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được nghị quyết nội bộ của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra về nội bộ Công ty; nghị quyết có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp bằng văn bản (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản thảo luận và quy định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu bầu quy định của thành viên.

Thông báo mời họp bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản liên lạc tại thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản ký tại Công ty.

7. Thành phần họp Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc, Thủ ký Công ty;

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và nội bộ các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị có quy định các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quy định rõ ràng và không có biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 04 thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp có triệu tập theo quy định của pháp luật này không có thành viên dự họp theo quy định thì có triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp có tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác dự họp theo quy định tại Khoản 12 của Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển hoặc hình thức khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì kín và phải có chú ý đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ nhiệm tại (01) giờ kể khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị khi được ký và đóng dấu của người dự họp.

11. Nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị có thông qua nếu có đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên có ủy quyền cho người khác dự họp nếu có đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) K t qu bi u quy t trong ó ghi rõ nh ng thành viên tán thành, không tán thành và không có ý ki n;

h) Các v n ã c thông qua;

i) H , tên, ch ký ch t a và ng i ghi biên b n.

Ch t a và ng i ghi biên b n ph i ch u trách nhi m v tính trung th c và chính xác c a n i dung biên b n h p H i ng qu n tr .

2. Biên b n h p H i ng qu n tr và tài li u s d ng trong cu c h p ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

3. Biên b n l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài có hi u l c ngang nhau. Tr ng h p có s khác nhau v n i dung biên b n ti ng Vi t và ti ng n c ngoài thì n i dung trong biên b n ti ng Vi t có hi u l c áp d ng.

### M C III

## T NG GIÁM C, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ

### i u 36. T ch c b máy qu n lý

H th ng quy ch qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m d i s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t T ng Giám c i u hành, các Phó T ng giám c và m t **K toán tr ng** do H i ng qu n tr b nhi m ho c bãi mi n b ng m t ngh quy t c thông qua m t cách h p th c. Các Phó T ng giám c có th ng th i là thành viên H i ng qu n tr .

### i u 37. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a T ng Giám c i u hành và c s ch p thu n c a H i ng thành viên, Công ty c s d ng s l ng và lo i cán b qu n lý c n thi t, phù h p v i c c u và thông l qu n lý c a công ty do H i ng qu n tr xu t t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, ti n thù lao, l ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng v i T ng Giám c i u hành do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i các cán b qu n lý khác do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng Giám c i u hành.

### i u 38. T ng Giám c Công ty

1. T ng Giám c Công ty do H i ng qu n tr Công ty b nhi m. H i ng qu n tr b nhi m m t ng i trong s h ho c thuê ng i khác làm T ng Giám c.



2. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quy định và nghĩa vụ của giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể tái nhiệm liên tiếp nhiệm kỳ không quá hai (02) lần tại Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc diện không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trên trung cấp các ngành kinh doanh chuyên nghiệp của Công ty, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;

c) Không là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chắt, em chắt của viên chức quản lý của Tổng công ty Sông Đà và người đi làm thuê tại Công ty;

d) Là công dân của Công ty, nếu là công dân nước ngoài thì có số vốn ít nhất 5% tổng số vốn đăng ký;

) Không đang tham gia làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Thực hiện các nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phê duyệt dự toán của Công ty;

d) Kinh doanh, quản lý các dự án đầu tư, quản lý nhân sự của Công ty; Kinh doanh, quản lý và các danh sách quản lý của Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, xuất và trả về Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng, thôi việc và các điều kiện khác của người lao động.

) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tuyển dụng và quy định khác về người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định các dự án đầu tư có giá trị từ 30 triệu đồng;

i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị Công ty;

k) Kinh doanh, quản lý các dự án đầu tư trong kinh doanh;

l) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty và ngh quy t c a H i ng qu n tr .

4. T ng Giám c ph i i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty và ngh quy t c a H i ng qu n tr . Tr ng h p i u hành trái v i quy nh này mà gây thi t h i cho Công ty thì T ng Giám c Công ty ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi t h i cho Công ty.

#### **i u 39. Phó T ng Giám c và K toán tr ng**

1. Công ty có các Phó T ng Giám c, K toán tr ng do H i ng qu n tr Công ty b nhi m, mi n nhi m, ký h p ng, ch m d t h p ng theo ngh c a T ng Giám c Công ty.

2. Các Phó T ng Giám c giúp T ng Giám c Công ty trong vi c i u hành Công ty theo phân công và u quy n c a T ng Giám c; ch u trách nhi m tr c T ng Giám c, tr c H i ng qu n tr và tr c pháp lu t v nhi m v c T ng Giám c phân công và u quy n. Có tiêu chu n nh sau:

- Có n ng l c hành vi dân s , ph m ch t o c, uy tín, có trình i h c tr lên thu c các ngành kinh t , k thu t, có ki n th c và kinh nghi m i u hành công vi c, hi u bi t pháp lu t; có s c kh e th c hi n công vi c; Không thu c i t ng c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a pháp lu t.

- Ph i là c ông c a Công ty.

3. K toán tr ng có nhi m v t ch c th c hi n công tác tài chính k toán c a Công ty, giúp T ng Giám c b o toàn và phát tri n v n c a Công ty; xu t các gi i pháp và i u ki n t o ngu n v n cho nhu c u s n xu t, kinh doanh, u t phát tri n Công ty; qu n lý, ki m tra, giám sát công tác tài chính k toán c a Công ty theo pháp lu t v tài chính, k toán; có các quy n h n và ngh a v theo quy nh c a pháp lu t. K toán tr ng ch u trách nhi m tr c T ng Giám c, H i ng qu n tr Công ty và pháp lu t v nhi m v c phân công và u quy n. Tiêu chu n tuy n ch n K toán tr ng Công ty c th c hi n theo quy nh c a Lu t K toán, các quy nh c a pháp lu t và ph i là c ông c a Công ty.

4. Phó T ng Giám c, K toán tr ng c b nhi m, ký h p ng v i th i h n n m (05) n m và có th c b nhi m, ký h p ng l i.

#### **i u 40. Th ký Công ty**

H i ng qu n tr s ch nh m t ng i làm th ký Công ty v i nhi m k và nh ng i u kho n theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Vai trò và nhi m v c a Th ký Công ty bao g m:

a) H tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr , Ban Ki m soát; ghi chép các biên b n h p; T v n v th t c c a các cu c h p; Tham d các cu c h p;

b) H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;

c) H i ớng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr Công ty;  
d) H i ớng Công ty trong xây d ng quan h c ồng và b o v quy n và l i ích h p pháp c a c ồng;

) H i ớng Công ty trong vi c tuân th úng các ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính;

e) m b o các ngh quy t c a H i ớng qu n tr phù h p v i lu t pháp;

f) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l Công ty.

Th ký Công ty có trách nhi m b o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.

#### **i u 41. B máy giúp vi c**

1. B máy giúp vi c g m các phòng chuyên môn nghi p v có ch c n ng tham m u giúp vi c cho H i ớng qu n tr , T ng Giám c Công ty trong vi c qu n lý i u hành s n xu t kinh doanh h ng ngày c a Công ty.

2. Ch c n ng, nhi m v , quy n h n c a các phòng chuyên môn, nghi p v , các n v s n xu t c quy nh t i quy t nh thành l p, quy t nh giao nhi m v c a H i ớng qu n tr Công ty và theo quy ch qu n lý n i b do T ng Giám c Công ty xây d ng trình H i ớng qu n tr Công ty phê duy t, H i ớng qu n tr Công ty ký quy t nh ban hành.

3. Trong quá trình ho t ớng, T ng Giám c Công ty có quy n ngh H i ớng qu n tr Công ty thay i c c u, nh biên, s l ớng và ch c n ng, nhi m v c a các phòng chuyên môn, nghi p v và các n v s n xu t phù h p v i yêu c u ho t ớng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

#### **i u 42. Thù lao, tí n l ớng và l i ích khác c a thành viên H i ớng qu n tr , T ng Giám c, Phó T ng Giám c và K toán tr ớng**

1. Công ty có quy n tr thù lao cho thành viên H i ớng qu n tr , tr l ớng cho T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ớng Công ty theo k t qu và hi u qu kinh doanh.

2. Thù lao, tí n l ớng và quy n l i khác c a thành viên H i ớng qu n tr , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ớng Công ty c tr theo quy nh sau ây:

a) Thành viên H i ớng qu n tr c h ớng thù lao công vi c và tí n th ớng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i ớng qu n tr và m c thù lao m i ngày. H i ớng qu n tr đ tính m c thù lao cho t ng thành viên theo nguyên t c nh t trí. T ng m c thù lao c a H i ớng qu n tr do i h i ớng c ồng quy t nh t i cu c h p th ớng niên;

b) Thành viên H i ớng qu n tr có quy n c thanh toán các chi phí n , i l i và chi phí h p lý khác mà h chi tr khi th c hi n nhi m v c giao;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm và tài năng. Tài năng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tài năng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp và phải công khai thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Hội đồng công ty cụ thể hàng năm.

## M C IV

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

#### **Điều 43. Trách nhiệm của người**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như những nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì mục tiêu của ngườiถือหุ้น nhưng phải có khi mà nhiệm vụ trái ngược và trong hoàn cảnh ngặt nghèo.

#### **Điều 44: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của các cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể chia sẻ thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Hội đồng chấp thuận.

4. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và/hoặc cán bộ quản lý khác hoặc nhân viên liên quan nội bộ của công ty, cá nhân, hộ gia đình, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và/hoặc cán bộ quản lý khác hoặc nhân viên liên quan nội bộ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không báo cáo trong các trường hợp sau đây:

a) Giá trị hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng yêu cầu quản trị viên hợp đồng giao dịch các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc ban có thể cho phép thực hiện hợp đồng giao dịch đó một cách trung thực bằng cách sử dụng tài sản của nhân viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Giá trị hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng yêu cầu quản trị viên hợp đồng giao dịch này các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định quy định rõ ràng, và nhân viên công đồng đã sử dụng tài sản của nhân viên hợp đồng giao dịch này;

c) Hợp đồng giao dịch đó có thể thực hiện được là công bố và hợp lý xét trên mặt pháp lý liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc từ ban thực thu của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và/hoặc cán bộ quản lý khác và nhân viên có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa công bố của công ty hoặc từ lợi ích cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 45: Trách nhiệm và thẩm quyền**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và/hoặc cán bộ quản lý khác và nhân viên có liên quan, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự lợi ích cá nhân và nhân viên chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty phải thẩm định cho nhân viên, hàng hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó hoặc hàng là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đại diện của Công ty ủy quyền hoặc người đó hoặc hàng làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản

lý, nhân viên hoặc đi n theo quy n c a Công ty v i i u ki n ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Khi th c hi n ch c n ng, nhi m v ho c th c thi các công vi c theo y quy n c a Công ty, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, cán b qu n lý, nhân viên ho c là i đi n theo y quy n c a Công ty c Công ty b i th ng khi tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t (tr các v ki n do Công ty là ng i kh i ki n) trong các tr ng h p sau:

a) ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán vì l i ích và không mâu thu n v i l i ích c a Công ty;

b) Tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n ã không th c hi n trách nhi m c a mình.

3. Chi phí b i th ng bao g m các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s ), chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v vi c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép. Công ty có th mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

#### **i u 46. Quy n kh i ki n i v i thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c Công ty**

1. Công, nhóm công s h u ít nh t m t ph n tr m (01%) s c ph n ph thông liên t c trong th i h n sáu (06) tháng có quy n t mình ho c nhân danh Công ty kh i ki n trách nhi m dân s i v i thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c trong các tr ng h p sau ây:

a) Vi ph m ngh a v ng i qu n lý Công ty theo quy nh t i i u 41 c a i u l này;

b) Không th c hi n úng các quy n và ngh a v c giao; không th c hi n, th c hi n không y , không k p th i ngh quy t c a H i ng qu n tr ;

c) Th c hi n các quy n và ngh a v c giao trái v i quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty ho c ngh quy t c a i h i ng c ông;

d) S d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Công ty t l i riêng ho c ph c v cho l i ích c a t ch c, cá nhân khác;

) S d ng a v , ch c v và s d ng tài s n c a Công ty t l i riêng ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;

e) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c kh i ki n th c hi n t ng ng theo quy nh c a pháp lu t v t t ng dân s . Chi phí kh i ki n trong tr ng h p công, nhóm công kh i ki n nhân danh Công ty s tính vào chi phí c a Công ty, tr tr ng h p thành viên kh i ki n b bác yêu c u kh i ki n.

**M C V**  
**BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 47. Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Công ty có Ban Kiểm soát do Hội đồng bầu. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát theo pháp luật.

3. Các Kiểm soát viên bầu trong số làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc sau. Quy định và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 48 của Luật này. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có quy định và trách nhiệm sau:

a) Triệt p cứu chấp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng.

d) Số nhiệm vụ quy định của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ kiểm soát cho các kiểm soát viên.

4. Các công đồng giám sát phải có quy định bầu quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quy định quy định bầu quy định của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị lập Ban Kiểm soát, theo tỷ lệ số vốn của công đồng giám sát quy định như sau:

a) Từ 20% đến 30% của công đồng (01) người;

b) Từ 30% đến 40% của công đồng (02) người;

c) Từ 40% trở lên của công đồng (03) người.

5. Trưởng ban kiểm soát viên có cùng thẩm quyền kiểm soát nhưng Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới của công đồng thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới của công đồng và nhiệm vụ.

**Điều 48. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên và nhiệm vụ, bổn phận Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc bất kỳ một thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

c) Không có gì các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Công ty;

d) Phải là kỹ sư toán viên hoặc kỹ sư toán viên theo quy định của pháp luật về kỹ sư toán, kỹ sư toán;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và nội lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bổ nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 điều này;

b) Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có nết xấu và các khuyết tật;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát viên bổ nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nội dung nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và nội lệ Công ty;

c) Theo quy định của pháp luật khác.

#### **Điều 49. Quy định và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát sẽ có quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và nội lệ này, bao gồm:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và nội lệ hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ trung thực trong quản lý, nội lệ hành hoạt động kinh doanh; tính chính xác, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tích hợp hàng năm pháp luật khác.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kỹ sư toán nội bộ, quản lý rủi ro và các báo cáo của Công ty.



5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, đi u hành hoạt đ ng của Công ty khi xét th y c n thi t ho c theo ngh quy t c a i h i ng c ông ho c theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i Kho n 3 i u 16 c a i u l này.

6. Khi có yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i Kho n 3 i u 16 c a i u l này, Ban Ki m soát th c hi n ki m tra trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m tra, Ban Ki m soát ph i báo cáo gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng qu n tr và c ông ho c nhóm c ông có yêu c u.

Vi c ki m tra của Ban Ki m soát quy nh t i kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng của H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh của Công ty.

7. K i n ngh H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông các bi n pháp s a i, b sung, c i ti n c c u t ch c qu n lý, giám sát và i u hành ho t ng kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hi n có thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c vi ph m **các quy nh t i c nêu trong i u l này và/ho c các quy nh pháp lu t hi n hành** thì ph i thông báo ngay b ng v n b n v i H i ng qu n tr , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

9. Có quy n tham d và tham gia th o lu n t i các cu c h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr và các cu c h p khác của Công ty.

10. Có quy n s d ng t v n c l p, b ph n ki m toán n i b c a Công ty th c hi n các nhi m v c giao.

11. Ban Ki m soát có th tham kh o ý ki n của H i ng qu n tr tr c khi trình báo cáo, k t lu n và ki n ngh lên i h i ng c ông.

12. Th c hi n các quy n và ngh a v khác theo quy nh của Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và ngh quy t c a i h i ng c ông.

13. Ban Ki m soát có quy n c cung c p thông tin, g m:

a) Thông báo m i h p, phi u l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr và các tài li u kèm theo ph i c gi i n các Ki m soát viên cùng th i i m và theo ph ng th c nh i v i thành viên H i ng qu n tr ;

b) Các ngh quy t và biên b n h p của i h i ng c ông, H i ng qu n tr ph i c gi i n cho các Ki m soát viên cùng th i i m và theo ph ng th c nh i v i c ông, thành viên H i ng qu n tr .

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành công bố các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phông thủ công nghiệp viên Hội đồng quản trị;

d) Kiểm soát viên có quy định tại các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và thẩm định khác; có quy định các thẩm định viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và nhân viên của Công ty trong giới làm việc;

e) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

#### **Điều 50. Thẩm định và quy định khác của Kiểm soát viên**

Thẩm định và quy định khác của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên thực hiện thẩm định hoặc thù lao và chi phí các quy định khác theo quy định của Hội đồng công. Hội đồng công quy định thẩm định, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;

2. Kiểm soát viên thực hiện thanh toán chi phí nhân công, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn để lập và kiểm soát kế hoạch. Thẩm định thù lao và chi phí này không vượt quá ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng công chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng công có quy định khác;

3. Thẩm định và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công khai thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

#### **Điều 51. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của Hội đồng công và các nghị quyết trong thẩm định các quy định và nghị quyết giao.

2. Thực hiện các quy định và nghị quyết giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không sử dụng thông tin, bí quyết, dữ liệu kinh doanh của Công ty, khách hàng và sử dụng tài sản của Công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của thành viên, cá nhân khác.

4. Các nghị quyết khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc công đồng khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi

th ợng thi t h i ợ. M i thu nh ợp và l i ợch khác mà Ki m so ợt vi ợn c ợ c ph i hoàn tr ợ cho Công ty.

6. Tr ợng h ợp phát hi ợn c ợ Ki m so ợt vi ợn vi ph ợm trong th ợc hi ợn quy ợn và ngh ợa v ợc giao thì H i ợng qu ợn tr ợp h i thông báo b ợng v ợn b ợn ợn Ban Ki m so ợt; y ợu c ợ u ng ợ i c ợ hành vi vi ph ợm ch ợm đ ợt hành vi vi ph ợm và c ợ gi ợi pháp kh ợc ph ợc h ợ u qu ợ.

## **CH ỢNG IV**

### **CON Đ ỢU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN**

### **V Ợ L Ợ GI Ợ H Ợ S CÔNG TY**

#### **i ợ u 52. Con đ ợu c ợ a Công ty**

1. Công ty c ợ quy ợn quy t ợnh v ợ hình th ợc, s ợ l ợng và n ợi dung con đ ợu c ợ a Công ty theo quy ợnh c ợ a pháp lu t c ợ liên quan. N ợi dung con đ ợu ph ợi th ợ hi ợn nh ợng thông tin sau ợy:

- a) Tên doanh nghi ợp;
- b) Mã s ợ doanh nghi ợp.

2. Tr ợc khi s ợ đ ợng, Công ty c ợ ngh ợa v ợ thông báo m ợu con đ ợu v ợi c ợ quan ợng ký kinh doanh ợng t ợi công khai trên C ợng thông tin qu ợc gia v ợng ký doanh nghi ợp.

3. V ợi c ợ quy ợn lý, s ợ đ ợng và l ợu gi ợ con đ ợu th ợc hi ợn theo quy ợnh c ợ a i ợ u 1 Công ty.

4. Con đ ợu c ợ s ợ đ ợng trong các tr ợng h ợp theo quy ợnh c ợ a pháp lu t ho ợc các bên giao đ ợch c ợ th ợa thu ợn v ợi c ợ s ợ đ ợng đ ợu.

#### **i ợ u 53. Ch ợ l ợ u gi ợ tài li ợ u c ợ a Công ty**

1. Công ty l ợ u gi ợ các tài li ợ u sau ợy:

- a) i ợ u 1 Công ty; quy ch ợ quy ợn lý n ợi b ợc a Công ty; S ợng ký c ợ ợng;
- b) V ợn b ợng b ợ h ợ quy ợn s ợ h ợ công nghi ợp; gi ợ y ch ợng nh ợn ợng ký ch ợ t l ợng s ợn ph ợm; gi ợ y phép và gi ợ y ch ợng nh ợn khác;
- c) Tài li ợ u, gi ợ y t ợ xác nh ợn quy ợn s ợ h ợ tài s ợn c ợ a Công ty;
- d) Biên b ợnh p ợi h ợ i ợng c ợ ợng, H i ợng qu ợn tr ợ; các quy t ợnh c ợ a Công ty;  
) B ợn cáo b ợch ợ phát hành ch ợng kho ợn;
- e) Báo cáo c ợ a Ban Ki m so ợt, k ợt lu ợn c ợ a c ợ quan thanh tra, k ợt lu ợn c ợ a t ợch c ợ ki m toán;
- g) S ợ k ợ toán, ch ợng t ợ k ợ toán, báo cáo tài chính h ợng n ợm.

2. Công ty ph ợi l ợ u gi ợ các tài li ợ u quy ợnh t ợi kho ợn l ợi u này t ợi tr ợs chính Công ty; th ợi h ợn l ợ u gi ợ th ợc hi ợn theo quy ợnh c ợ a pháp lu t c ợ liên quan.

#### **Điều 54. Công khai thông tin Công ty**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm để kiểm tra và công khai thông qua ngân hàng nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố nội dung trên trang thông tin internet của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hàng năm để kiểm tra và công khai thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nội dung Công ty có trụ sở chính chuyển đổi thành (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về hình thức, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ đăng trú, số cấp phép và loại cấp phép của công ty là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cấp phép và loại cấp phép và hình thức, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ đăng trú nội địa nội địa theo quy định của công ty là tổ chức nước ngoài.

4. Các thông tin công bố nội dung trên trang thông tin internet của Công ty gồm nội dung thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty;

b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu chiến lược kinh doanh hàng năm;

c) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá mười tám (150) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

d) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm để kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hàng năm;

e) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) tháng tính đến năm báo cáo;

f) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc ủy thác (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty.

Báo cáo thực trạng quản trị Công ty bao gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin về năng lực quản lý Công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý năm gần đây, cách thực hiện nhiệm vụ, công việc quản lý được giao, mức tín nhiệm, thành công, cách thức trả lương và các lợi ích khác; nội dung nội bộ có liên quan

và ích lợi có liên quan của họ và Công ty; bản kê kê kê kê, ảnh hưởng nghiêm trọng của họ trên công việc là người quản lý Công ty;

- Các quy định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, chỉ thị công của Công ty;

- Thông tin về Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và họ tên của họ;

- Thông tin về Hợp đồng lao động, số lượng lao động bình quân năm và thời điểm báo cáo, tình hình và lợi ích khác bình quân năm trên hợp đồng lao động;

- Báo cáo kết luận các quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

- Thông tin về các bên có liên quan của Công ty, giao dịch của Công ty với bên có liên quan;

- Các thông tin khác theo quy định của Luật Công ty.

h) Thông tin về báo cáo và công bố phi yếu, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

i) Người đi di n theo pháp luật hoặc người quy định công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đi di n theo pháp luật phải chịu trách nhiệm và tính yếu, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin công bố.

#### 5. Công bố thông tin bắt buộc

Công ty công bố trên trang thông tin internet và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bắt buộc trong thời hạn ba mươi sáu (36) giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc cấp phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Thay đổi quy mô sản phẩm hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của Công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của Công ty;

d) Thay đổi người quản lý Công ty, giám đốc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

e) Có quy định luật, hiến pháp, có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến vụ kiện trong các cá nhân nêu tên trong Điều khoản này;

f) Có kết luận các quan thanh tra hoặc các quan quản lý thu v vi phạm pháp luật của Công ty;

g) Có quy định thay đổi kế toán độc lập, hoặc bất kỳ kế toán báo cáo tài chính;

h) Có quy định, thành lập, gia nhập, sáp nhập, chuyển nhượng Công ty; quy định rút vốn, giảm vốn hoặc thoái vốn từ các công ty khác.

6. Trường hợp là công ty thành viên chúng, ngoài nghĩa vụ công bố, công khai thông tin theo các quy định trên, Công ty phải thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán.

## CHƯƠNG V NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG ĐOÀN

### **Điều 55. Quan hệ lao động trong Công ty**

1. Trong Công ty, Tổng Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hợp pháp và người sử dụng lao động xác lập qua thỏa thuận, thương lượng, thương lượng theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật lao động; không phân biệt giới tính và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc, tạo điều kiện làm việc, nghỉ ngơi, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt giới tính;

b) Được nghỉ phép vì trình độ kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hàng năm có lương và các hình thức phúc lợi khác;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn, tổ chức nghỉ ngơi và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia thỏa thuận với người sử dụng lao động, thực hiện quy chế dân chủ và được tham vấn tiến hành làm việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Được phong chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Khác.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận lao động hợp pháp;

b) Chấp hành kế hoạch lao động, nghỉ ngơi, tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quy định sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, điều hành lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kế hoạch lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hỗ trợ trong tổ chức nghiên cứu và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tập thể lao động đi thi, thi công, ký kết thỏa ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; trao đổi với công đoàn và các vấn đề trong quan hệ lao động, cử đại diện người sử dụng vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng các khoản tiền làm việc.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận khác với người lao động, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thi thố lập kế hoạch và thực hiện đi thi thi tập thể lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ cơ sở;

c) Lập sổ quản lý lao động, sổ lương và xuất trình khi cần quan có thẩm quyền yêu cầu;

d) Khai trình về cơ sở sử dụng lao động trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bắt đầu hoạt động và nhắc báo cáo tình hình thay đổi về lao động trong quá trình hoạt động về cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương;

e) Thực hiện các quy định khác của pháp luật về lao động, pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.

#### **Điều 56. Công đoàn Công ty**

1. Công đoàn Công ty thực hiện vai trò đi đầu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia, thi công, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, thang lương, bảng lương, chế độ lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nghỉ ngơi, quy chế dân chủ cơ sở; tham gia, hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động; đi thi, hợp tác với người sử dụng lao động xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tin cậy trong công ty.

2. Trong quan hệ lao động, cán bộ công đoàn Công ty có quyền:

a) Giám sát người sử dụng lao động đi thi, trao đổi, thi công lương và chế độ về lao động và sử dụng lao động;

b) Nhận các nhiệm vụ công tác lao động trong phạm vi trách nhiệm mà mình đi đến.

### 3. Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với tổ chức Công đoàn Công ty:

- Tổ chức thu nhập cho người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn;

- Phối hợp và tổ chức thu nhập cho công đoàn cấp trên cấp tuyên truyền, văn nghệ phát triển đoàn viên, thành lập Công đoàn Công ty, bố trí cán bộ công đoàn chuyên trách tại Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Bồi đắp các ưu tiên Công đoàn Công ty hoạt động và đóng kinh phí Công đoàn theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Công đoàn Công ty xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế dân chủ, quy chế phối hợp hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình;

- Lý giải việc của Ban chấp hành Công đoàn Công ty trước khi ban hành các quy định có liên quan đến quy định, nghị định, chính sách đối với người lao động;

- Khi người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách đang trong nhiệm kỳ công đoàn mà hết hạn hợp đồng lao động thì gia hạn hợp đồng lao động để giao kết nhiệm kỳ mới;

- Khi người sử dụng lao động nhận được đề nghị thôi việc, chuyển làm công việc khác, kết luận sự việc đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách thì phải thanh toán bảo hiểm xã hội và bồi dưỡng theo quy định của pháp luật Công đoàn Công ty.

Trong trường hợp không thanh toán được, hai bên phải báo cáo về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau 30 ngày, kết ngày báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lao động phải ngừng bị đình chỉ người sử dụng lao động mới có quyền quy định và phải chịu trách nhiệm về quy định của mình.

Trường hợp không nhất trí về quy định của người sử dụng lao động, Ban chấp hành Công đoàn Công ty và người lao động có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo thủ tục, trình tự theo pháp luật quy định.

4. Công đoàn Công ty cũng người sử dụng lao động bố trí nhân viên công tác và cung cấp thông tin, bồi đắp các ưu tiên cần thiết cho hoạt động công đoàn.

5. Cán bộ công đoàn không chuyên trách trong Công ty cũng sử dụng thời gian trong giờ làm việc hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn và người sử dụng lao động trả lương.



6. Cán bộ công nhân chuyên trách tại Công ty do Công nhân trực tiếp, công nhân đang lao động bổ sung quy định và phúc lợi tiếp nhận công nhân làm việc trong Công ty theo thỏa thuận lao động tiếp hợp quy định của ngành đang lao động.

## CHƯƠNG VI PHÂN PHỐI INHƯ N, X LÝ L

### **Điều 57. Phân phối ảnh hưởng, x lý l**

1. Ảnh hưởng công thông qua mặt tiếp xúc chỉ cho công nhân gia đình của Công ty trên cơ sở xuất của Ảnh hưởng trực tiếp.

2. Mặt phân ảnh hưởng sau thu của Công ty có thể dùng trích lập vào các quỹ theo quy định của ảnh hưởng công và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ảnh hưởng công có thể quy định quy định kế hoạch theo các quy định pháp.

- Trích quỹ phòng ngừa.

- Chuyển một phần sang năm sau, đồng thời ảnh hưởng phân quy định các biện pháp khắc phục.

4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối ảnh hưởng có thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH, H TH NG K TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KI M TOÁN

### **Điều 58. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc ngoài Việt Nam tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 59. N m tài chính**

N m tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 để đăng kê hàng năm. N m tài chính ưu tiên của Công ty cấp nhân bắt đầu từ ngày Công ty

c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p l n u tiên khi chính th c ho t ng theo mô hình Công ty c ph n và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 c a n m ó.

#### **i u 60. Ch k toán**

1. Ch k toán Công ty s d ng là Ch K toán Vi t Nam (VAS) ho c ch k toán khác c B Tài chính ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng ng Vi t Nam (ho c ngo i t t do chuy n i trong tr ng h p c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n) làm n v ti n t dùng trong k toán.

#### **i u 61. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý, Báo cáo th ng niên**

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh và trong th i h n 120 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán (trong tr ng h p Công ty có niêm y t trên sàn ch ng khoán ph i n p báo cáo tài chính ã ki m toán trong vòng 90 ngày) và c quan ng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v lãi và l c a Công ty trong n m tài chính, b ng cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty tính n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n ti n t và thuy t minh báo cáo tài chính.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán (trong tr ng h p Công ty có niêm y t trên sàn ch ng khoán) và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

4. Các báo cáo tài chính c ki m toán (bao g m ý ki n c a ki m toán viên), báo cáo sáu tháng và quý c a Công ty ph i c công b trên website c a Công ty.

5. Các t ch c, cá nhân quan tâm u c quy n ki m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính n m c ki m toán, báo cáo sáu tháng và quý trong gi làm vi c c a Công ty, t i tr s chính c a Công ty và ph i tr m t m c phí h p lý cho vi c sao ch p.

6. Báo cáo th ng niên: Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

### **i u 62. Kế toán**

1. Hội đồng thanh niên của Công ty chỉ định một công ty kế toán để lập hoặc thông qua danh sách các công ty kế toán để lập và quy định cho Hội đồng quản trị nhất định trong số các nhân viên này tiến hành các hoạt động kế toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những dữ kiện và dữ kiện thu nhập của Hội đồng quản trị.

Công ty phải chịu bổ và ghi báo cáo tài chính năm cho công ty kế toán để lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kế toán để lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bên sao của báo cáo kế toán để gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kế toán viên thành viên của Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng thanh niên và quy định những các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng thanh niên mà các công ty quy định và phát biểu ý kiến tiếp nhận các vấn đề có liên quan đến kế toán.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔ CHỨC, NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG VIỆC CÔNG TY**

#### **i u 63. Tổ chức của Công ty**

1. Việc tổ chức, hình thức tổ chức của Công ty do Hội đồng thanh niên của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thành viên theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

#### **i u 64. Nội dung hoạt động Công ty**

1. Công ty có thể ghi danh hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc nhiệm vụ của Công ty;
- b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Giám đốc thanh niên theo quyết định của Hội đồng thanh niên;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ghi danh Công ty thực hiện do Hội đồng thanh niên quy định, Hội đồng quản trị thành viên. Quyết định ghi danh này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu cần) theo quy định.

### **Điều 65. Thanh lý Công ty**

1. Thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi cóมติ quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Hội đồng quản trị đề nghị công nhận và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ các thành viên công ty kiêm toán viên.

Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản thuộc về các thành viên của Công ty thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;

c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d) Các khoản vay của Công ty (nếu có);

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) đến (e) trên đây sẽ phân chia cho các thành viên. Các thành viên ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG IX**

### **GIỚI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SÁNH BỘ SUNG ĐIỀU CÔNG TY**

### **Điều 66. Giới quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các thành viên theo quy định trong Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định khác:

a) Công đồng viên Công ty;

b) Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty hoặc viên quản lý cao cấp khác trong Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải và theo quy định của pháp luật này.

2. Trường hợp không thực hiện quy định hoà giải trong vòng ba mươi (30) ngày thì khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không có các bên chấp hành, bất cứ bên nào có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thực thể công lập và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

#### **Điều 67. Bổ sung và sửa đổi Điều Công ty**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều này phải được Hội đồng Công ty xem xét, quyết định và không trái với quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan nội dung của Công ty chưa có quy định trong Điều này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh nội dung của Công ty.

## **CHƯƠNG X I U KHO N THI HÀNH**

#### **Điều 68. Phạm vi thi hành**

1. Các công nhân của Công ty và các thành viên cá nhân có liên quan thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều này.

#### **Điều 69. Ngày hiệu lực**

1. Điều này gồm 10 Chương 69 được Hội đồng Công ty chấp thuận và Hội đồng quản trị Sài Gòn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2015 tại Trụ sở của Công ty chấp thuận và Hội đồng quản trị Sài Gòn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều này.

2. Điều này có hiệu lực thành mười lăm (15) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại phòng công nghệ Nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Năm (05) bản đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư - UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Ba (03) bản nộp Tổng công ty đường sắt Việt Nam (là công ty thành viên có vốn góp chi phí tại Công ty);

d) Sáu (06) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tại buổi họp hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NG I I DI N THEO PHÁP LU T**  
*(Ký, ghi rõ h tên)*